

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Medium

SOPHIE 01

Cái nhìn t ự **mái tthoáng sáng**

ế SOPHIE ấ t khả năng chư ố ợ trọ g bảo v ệ ESD, phần lót chân có th ể
mái t ừ thoá o sờ đế ngoài bằn g cao su b ề n và phần trên thoáng
khí. Nó hoàn hảo cho điều ki ệ ện và khô ráo, thu

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
lót bên trong i tái chế	lưới
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài Đ	Phylon/cao su
i Loạ	01 / SRC, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng t thép	0.245 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2012

CE · ESD · EXCLUSIVE LORICA · OXYGRIP



BLK


LLC


PFU


FUC


LBL


LGN


WHT



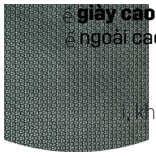
X
ESD cung cấp khả năng xả năng
lượng tĩnh điện có kiểm soát có
thể làm hỏng các bộ phận điện
tử và ngăn ngừa cháy do tích điện.
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



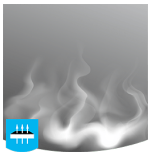
SRC
ước là trong những tính năng quan trọng
giày bảo hộ. Để đạt được
SRA và SRB, chúng được kiểm
tra trên cả bề mặt thép và gốm.



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường
xuyên bằng miếng lót giày chỉnh hình
riêng của bạn để thoả
mái tối đa.



giày cao su
ế ngoài cao su cung cấp các tính năng linh
hoạt giúp chúng phù hợp với
ứng dụng: khả năng chống cắt
năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính
linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả
năng chống trượt và nhiều l



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt
độ cải thiện thoải
mái lâu hơn.

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sc ụ ốẩm m & Đ thuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
r ơn môi khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phả cá hà mị g Kh trê lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g u q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng thấm ướ ơ	? 0.8	1.4 ờ mg/cm/g
	Top: hi ệu suất ơ	? 15	15.5 mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế		
	L ớp lót: thấm ướ ơ	? 2	43.7 ờ mg/cm/g
	lót: hi ệu suất ơ	? 20	350 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân: Ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ	**Philon/cao su**		
	Ch ố ả ợ ế ngoài (mài mòn)	? 150	71.9 mm
	a đế ngoài SRA- gót chân	? 0.28	0.48 ma sát
	a đế ngoài SRA: Phầ t g	? 0.32	0.43 ma sát
	a đế ngoài SRB: gót chân	? 0.13	0.32 ma sát
	ế ngoài SRB: t phần g	? 0.18	0.34 ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	28.6 megaohm
	Hấp thụ năng l ợ g ót chân củ	? 20	23.4 J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Safety Jogger có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Safety Jogger không chịu trách nhiệm về bất kỳ lỗi in ấn nào. Tên và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh ọc **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g u q
i **CO2 phát** thả		
	V ật l iệu	1.68 kg
	Bao bì	0.10 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		3.94 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K u q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	18%
	Bao bì	99%

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán CO2 của Giầy đổi.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com